

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T P
TỈNH B T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST

Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T P, TỈNH B T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm U

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Trọng D.

+ Bà Trần Thị H.

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Bích Hà V – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T1, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến tại hai điểm cầu gồm: điểm cầu trung tâm tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T P và điểm cầu thành phần tại cơ sở tạm giam của Công an huyện T P với sự hỗ trợ của những người tiến hành tố tụng gồm: Bà Trần Thị Thanh B1 - Kiểm sát viên; Ông Phan Hoài T2 - Thư ký Tòa án; Ông Phan Minh H1 - Đội trưởng Đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp và thi hành án hình sự, đối với vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn V1**; Tên gọi khác: Duồng; giới tính: Nam; Sinh ngày 15/10/1986 tại tỉnh B T; Nơi cư trú: thôn L L1 1, xã H2 M, huyện T P, tỉnh B T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Cha: Nguyễn D, sinh năm 1962 (đã chết) và Mẹ: Trần Thị S, sinh năm: 1969; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: 03

- Bản án số 06/2006/HSST ngày 20/02/2006 của Tòa án nhân dân huyện T P tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Bản án số 51/2009/HSST ngày 10/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện T P tuyên phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Bản án số 235/2014/HSST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P T tuyên phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02-9-2020, đến nay chưa bồi thường cho bị hại.

Tiền sự: Không

Bị can bị bắt từ ngày 07/02/2024. Có mặt.

Người làm chứng: Huỳnh Văn T3, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu phố T G 1, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc nhiều lần bị Công an thị trấn P R C bắt về hành vi vi phạm giao thông (không đội mũ bảo hiểm) trước đó nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 07-02-2024 sau khi nhậu xong Nguyễn V1 nhờ Huỳnh Văn T3 chở V1 đến Công an thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T. T3 đồng ý và điều khiển xe mô tô wave màu đen biển kiểm soát 86B1-65749 chở V1 từ khu phố T G 2, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T đi đến trước Trụ sở Công an thị trấn P R C, huyện T P thuộc khu phố G H 3, thị trấn P R C huyện T P, tỉnh B T thì dừng xe lại. Huỳnh Văn T3 và Nguyễn V1 xuống xe đi đến cổng Công an thị trấn P R C, T3 đứng ở ngoài nhìn còn V1 đi đến dùng chân phải đá vào cổng trái của Công an thị trấn P R C khiến cửa trật khỏi đường ray. V1 đi vào nhìn ngó vào trụ sở rồi đi ra, T3 lên xe điều khiển dùng gần cổng bên trái Công an thị trấn P R C, V1 lên xe ngồi phía sau tay cầm pháo loại pháo banh dùng hộp quẹt đốt và ném xuống trước cổng Công an thị trấn P R C gây tiếng nổ lớn. Sau đó T3 điều khiển xe chở V1 bỏ chạy về khu phố T G 1, thị trấn P R C, huyện T P, tỉnh B T.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Ngày 07-02-2024, Công an thị trấn P R C thu giữ:

- 08 mảnh nhựa màu xanh và màu đỏ thu giữ dưới nền đường nhựa trước Trụ sở Công an thị trấn P R C;
- 02 quả pháo banh (01 quả màu đỏ, xanh dương; 01 quả màu đỏ, xanh lá cây) thu giữ trên người Huỳnh Văn T3;
- 01 cái hộp quẹt màu xanh thu trên người Nguyễn V1, đây là hộp quẹt V1 dùng để đốt pháo;

Các vật chứng trên đã được chuyển cho Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện T P.

- Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video trích xuất từ camera trước trụ sở Công an thị trấn P R C chuyển theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đối với Huỳnh Văn T3 do V1 nhờ chở đến Công an thị trấn P R C có công việc, T3 không biết mục đích của V1 là đến gây rối trật tự công cộng; khi V1 thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng thì T3 đứng ngoài không tham gia nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên đối với hành vi bọc hai quả pháo banh trong người Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T P đã công văn đề nghị và sao trích hồ sơ chuyển cho Công an huyện T P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép pháo quy định tại nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Tại Bản Cáo trạng số 46/CT-VKSTP-HS, ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T P đã truy tố Nguyễn V1 về tội “Gây rối trật tự công

cộng”, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015(Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn V1 từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 08 mảnh nhựa màu xanh và màu đỏ thu giữ dưới nền đường nhựa trước Trụ sở Công an thị trấn P R C; 02 quả pháo banh (01 quả màu đỏ, xanh dương; 01 quả màu đỏ, xanh lá cây) thu giữ trên người Huỳnh Văn T3; 01 cái hộp quẹt màu xanh thu trên người Nguyễn V1, đây là hộp quẹt V1 dùng để đốt pháo vì vật cầm lưu hành, công cụ phạm tội, vật không có giá trị sử dụng.

- Bị cáo Nguyễn V1 thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T P đã truy tố. Bị cáo thừa nhận việc truy tố bị cáo là đúng, không oan và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn V1 không có ý kiến, cũng như không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ: Xuất phát từ việc nhiều lần bị Công an thị trấn P R C trước đó bị bắt về hành vi vi phạm giao thông do không đội mũ bảo hiểm nên khoảng 00 giờ 00 phút ngày 07-02-2024 sau khi nhậu xong Nguyễn V1 nhờ Huỳnh Văn T3 chở V1 đến Công an thị trấn P R C. Tại đây, V1 dùng chân phải đá vào cổng trái của Công an thị trấn P R C khiến cửa trật khỏi đường ray và dùng hộp quẹt đốt pháo loại pháo banh ném xuống trước cổng Công an thị trấn P R C gây tiếng nổ lớn.

Bị cáo Nguyễn V1 đã có 02 tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 01 tiền án về tội “*Cướp tài sản*”, tại Bản án số 235/2014/HSST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P T, tỉnh B T xử phạt bị cáo 09 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm c, d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm

2009), chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2020, đã xác định bị cáo “*Tái phạm nguy hiểm*”, bị cáo Nguyễn V1 chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Gây rối trật tự công cộng*” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần phạm tội, sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không cố gắng tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Bị cáo Nguyễn V1 là người đã trưởng thành nên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi của bị cáo là xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội của Nhà nước, cố ý làm mất tình trạng có tổ chức, có kỷ luật ở nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, an toàn, trật tự nơi công cộng. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm, góp phần làm gia tăng tình trạng bạo lực của một bộ phận thanh thiếu niên. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tang, vật chứng của vụ án: đối với 08 mảnh nhựa màu xanh và màu đỏ thu giữ dưới nền đường nhựa trước Trụ sở Công an thị trấn P R C; 02 quả pháo banh (01 quả màu đỏ, xanh dương; 01 quả màu đỏ, xanh lá cây) thu giữ trên người Huỳnh Văn T3; 01 cái hộp quẹt màu xanh thu trên người Nguyễn V1, đây là hộp quẹt V1 dùng để đốt pháo. Xét thấy đây là vật không có giá trị sử dụng, công cụ phạm tội và là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (là phù hợp).

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bị cáo Nguyễn V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 268, Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn V1 phạm tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn V1 **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 07-02-2024.

Áp dụng:

Áp Điều a khoản 1 Điều 46; Điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 08 mảnh nhựa màu xanh và màu đỏ thu giữ dưới nền đường nhựa trước Trụ sở Công an thị trấn P R C; 02 quả pháo banh (01 quả màu đỏ, xanh dương; 01 quả màu đỏ, xanh lá cây) thu giữ trên người Huỳnh Văn T3; 01 cái hộp quẹt màu xanh thu trên người Nguyễn V1, đây là hộp quẹt V1 dùng để đốt pháo.

(Tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện T P ngày 10-6-2024.).

Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn V1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-6-2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B T;
- VKSND huyện T P;
- CA huyện T P;
- THADS huyện T P;
- Sở tư pháp tỉnh B T
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kiêm U